

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠCH THÀNH
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 27/12/2024
V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lưu Đình Tâm
2. Ông Quách Hà Vĩnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Hùng – Thư ký Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 106/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2024 về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 60/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị Huyền Q; Sinh năm: 2002

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt tại phiên tòa (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Bùi Văn H; Sinh năm: 1993

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 05/9/2024 cũng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Bùi Thị Huyền Q trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Bùi Văn H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa ngày 30/12/2020. Sau khi kết hôn, vợ chồng thường xuyên xảy ra bất đồng về cuộc sống, công việc và gia đình hai bên. Hai vợ chồng đã cố gắng hòa giải nhiều lần nhưng không thành nên vợ chồng chị đã chuyển ra ở riêng. Tuy nhiên, chị cảm thấy mâu thuẫn vợ chồng càng trầm trọng, không thể giải quyết được, nếu tiếp tục kéo dài hôn nhân thì ảnh hưởng đến hạnh phúc của gia đình hai bên và ảnh hưởng đến sự phát triển của con cái. Vì vậy chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Bùi Anh T, sinh ngày 04/11/2020. Ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản: Chị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 05/11/2024, anh Bùi Văn H trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Q có đăng ký kết hôn như chị Q đã trình bày. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống bình thường, đôi khi cũng có cãi cọ nhưng chỉ là những mâu thuẫn nhỏ, chưa đến mức trầm trọng nhưng chị Q không chịu bỏ qua mà nhất quyết làm đơn ly hôn. Anh cũng đã động viên, khuyên giải nhưng chị Q vẫn không thay đổi ý kiến. Nay chị Q làm đơn ly hôn với anh, anh xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn nên anh không đồng ý ly hôn với chị Q mà mong muốn vợ chồng được đoàn tụ.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Bùi Anh T, sinh ngày 04/11/2020. Nếu chị Q nhất quyết ly hôn, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu chị Q cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Về tài sản: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách tố tụng của các đương sự trong vụ án. Từ giai đoạn thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án cũng như các thành viên của Hội đồng xét xử (Sau đây viết tắt là HĐXX) và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (Sau đây viết tắt là BLTTDS). Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của BLTTDS.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình. Về hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị Huyền Q được ly hôn anh Bùi Văn H; Về con chung: Giao cháu Bùi Anh T, sinh ngày 04/11/2020 cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Q.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. Trong vụ án có con chưa thành niên nên Tòa án đã tiến hành xác minh để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp theo khoản 3 Điều 208 BLTTDS và đã thông báo kết quả thu thập tài liệu chứng cứ cho các bên đương sự cũng như VKS được biết.

[2]. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho các bên đương sự, nhưng anh H vắng mặt nên Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vắng mặt anh H và đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho anh H theo khoản 3 Điều 210 BLTTDS.

[3]. Chị Q có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 BLTTDS.

[4]. Tại phiên tòa, chị Q vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt, anh H đã được triệu tập họp lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt

không có lý do. Căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238 BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt chị Q và anh H.

[5]. Về hôn nhân: Chị Bùi Thị Huyền Q và anh Bùi Văn H kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa ngày 30/12/2020 và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng hòa thuận được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, không có tiếng nói chung nên hay xảy ra bất đồng, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Việc này đã được các cấp chính quyền xã T xác nhận. Mặc dù anh H không đồng ý ly hôn nhưng chị Q nhất quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H. HĐXX nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Bùi Thị Huyền Q được ly hôn anh Bùi Văn H.

[6]. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung. Ly hôn, cả chị Q và anh H đều yêu cầu được trực tiếp nuôi con. Xét thấy, yêu cầu của chị Q và anh H đều chính đáng. Tuy nhiên, cháu Anh T là con gái, lại đang còn rất nhỏ, rất cần sự chăm sóc của người mẹ, nên giao cho mẹ trực tiếp nuôi dưỡng sẽ phù hợp về mặt tình cảm và giới tính. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của chị Q giao cháu T cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Q.

[7]. Về tài sản: Anh H và chị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[8]. Về án phí: Chị Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị Huyền Q.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị Huyền Q được ly hôn anh Bùi Văn H.

2. Về con chung: Giao cháu Bùi Anh T, sinh ngày 04/11/2020 cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Q.

Anh H có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Bùi Thị Huyền Q phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự Thạch Thành, theo biên lai số BLTU/23/0002397 ngày 11/10/2024. Chị Q đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt chị Bùi Thị Huyền Q và anh Bùi Văn H. Chị Q và anh H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thạch Thành;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Cúc